

**Phần I. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 18. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Vùng đất của nước ta bao gồm

- A. đất liền và hải đảo.
- B. đất liền và nội thủy.
- C. hải đảo và lãnh hải.
- D. lãnh hải và nội thủy.

**Câu 2.** Bão ở nước ta thường kéo theo thiên tai nào sau đây?

- A. Động đất.
- B. Ngập lụt.
- C. Hạn hán.
- D. Cháy rừng.

**Câu 3.** Mạng lưới đô thị nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố rộng khắp trên cả nước.
- B. Chủ yếu là đô thị loại đặc biệt.
- C. Mật độ cao ở vùng đồng bằng.
- D. Khác nhau giữa các vùng kinh tế.

**Câu 4.** Vùng kinh tế nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ.

**Câu 5.** Cây công nghiệp nào sau đây có nguồn gốc cận nhiệt đới?

- A. Cao su.
- B. Chè.
- C. Bông.
- D. Hồ tiêu.

**Câu 6.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện nước ta là

- A. nhiệt điện.
- B. thủy điện.
- C. điện mặt trời.
- D. điện gió.

**Câu 7.** Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Trung nước ta là

- A. Đà Nẵng.
- B. Quy Nhơn.
- C. Nha Trang.
- D. Đồng Hới.

**Câu 8.** Nghỉ dưỡng biển đảo gắn với di sản là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây ?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ.

**Câu 9.** Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về số lượng vật nuôi nào sau đây?

- A. Trâu.
- B. Bò.
- C. Cừu.
- D. Gà.

**Câu 10.** Vườn quốc gia nào sau đây nằm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tam Đảo.
- B. Cát Tiên.
- C. Phú Quốc.
- D. Núi Chúa.

**Câu 11.** Giao thông vận tải đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh dựa trên thuận lợi nào sau đây?

- A. trữ lượng hải sản lớn.
- B. đường bờ biển cát xẻ mạnh.

C. độ mặn nước biển cao.

D. khí hậu ổn định quanh năm.

**Câu 12.** Loại khoáng sản nào sau đây có trữ lượng lớn ở Đông Nam Bộ?

A. Dầu mỏ.            B. Than đá.            C. Bô xít.            D. Đất hiếm.

**Câu 13.** Quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng núi nước ta chủ yếu do

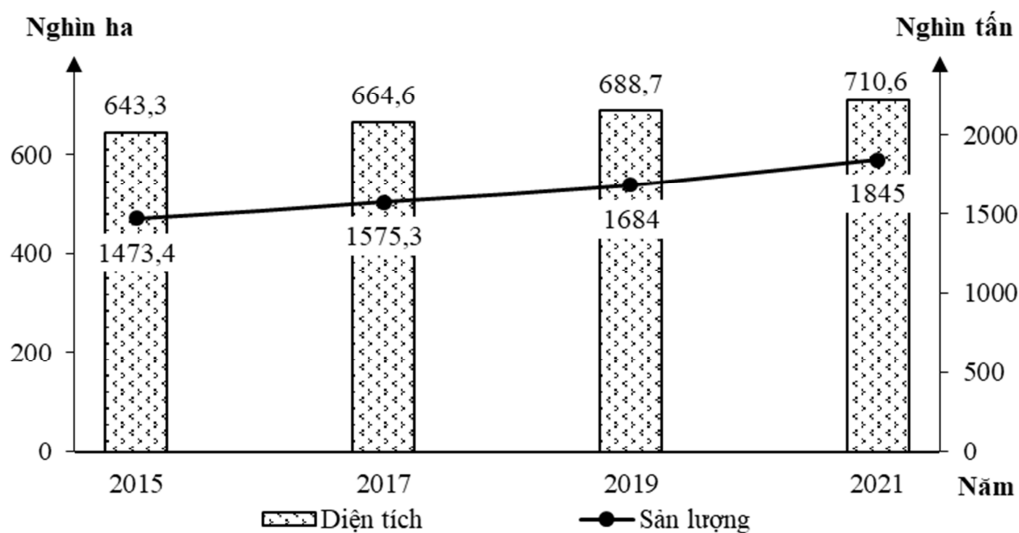
A. mưa lớn, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật.

B. nhiệt độ cao, đồi núi thấp, diện tích rừng giảm.

C. đất đá bờ rời, đồi núi thấp, sông ngòi dày đặc.

D. mưa theo mùa, nhiều núi cao, tốc độ gió lớn.

**Câu 14.** Cho biểu đồ sau:



**Biểu đồ diện tích, sản lượng cà phê nước ta giai đoạn 2015 – 2021**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Diện tích cà phê có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng cà phê.

B. Diện tích và năng suất cà phê đều tăng trong giai đoạn trên.

C. Sản lượng, diện tích và năng suất cà phê tăng đều qua các năm.

D. Năng suất cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn sản lượng.

**Câu 15.** Trị giá xuất khẩu của nước ta tăng nhanh chủ yếu do

A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.

B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.

C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

**Câu 16.** Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Bắc Trung Bộ là

A. phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.

B. tăng cường khai thác tài nguyên, nâng cao thu nhập.

C. nâng cao vị thế của vùng, tạo thêm nhiều việc làm.

**D.** thúc đẩy du lịch quốc tế và giao thông vận tải biển.

**Câu 17.** Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới ngành du lịch nước ta là

**A.** sản phẩm đa dạng, nhiều di sản thiên nhiên thế giới, chi phí bảo tồn lớn.

**B.** diễn ra quanh năm, có tính mùa vụ, nhiều tài nguyên du lịch nhân văn.

**C.** tăng trưởng nhanh, thu hút nhiều khách quốc tế, phát triển đều ở các vùng.

**D.** doanh thu ổn định, sản phẩm đặc trưng theo vùng, nhiều trung tâm lớn.

**Câu 18.** Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, đổi mới phương tiện.

**B.** đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, ứng dụng công nghệ định vị cá, tăng cường thu hút đầu tư.

**C.** nâng cao trình độ lao động, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cấp hệ thống cảng cá.

**D.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển thương hiệu.

**Phần II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Nhiệt độ trung bình năm của cả nước trên 20<sup>0</sup>C (trừ vùng núi cao), tổng giờ nắng là 1400-3000 giờ. Lượng mưa trung bình năm 1500-2000mm, những vùng núi cao đón gió lượng mưa có thể lên tới 3500 – 4000mm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 80-85%. Trong năm nước ta có hai mùa gió là gió mùa đông và gió mùa hạ.

**a)** Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm gió mùa.

**b)** Những khu vực núi cao và sườn đón gió có lượng mưa rất lớn.

**c)** Nhiệt độ trung bình năm ở các vùng núi cao thấp hơn mức trung bình cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của hướng địa hình.

**d)** Gió mùa đông ảnh hưởng đến khu vực đồng bằng Bắc Bộ là gió mùa Đông Bắc và Tín Phong Bắc bán cầu.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp nước ta hiện nay với giá trị sản xuất chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước (năm 2021). Ngoài việc cung cấp các nông sản cho nền kinh tế, xuất khẩu và đảm bảo đời sống nhân dân, ngành trồng trọt cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, thông qua việc áp dụng các phương pháp canh tác thông minh gắn với nông nghiệp sinh thái, sử dụng phân bón hữu cơ, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước...

**a)** Ngành trồng trọt có tỉ trọng lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp nước ta. Đ

**b)** Trồng trọt cung cấp nguồn lương thực cần thiết và các loại thực phẩm, các chất đạm bổ dưỡng cho bữa ăn hàng ngày của người dân. Đ

**c)** Việc sử dụng nhiều phân bón, máy móc tự động trong nông nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. S

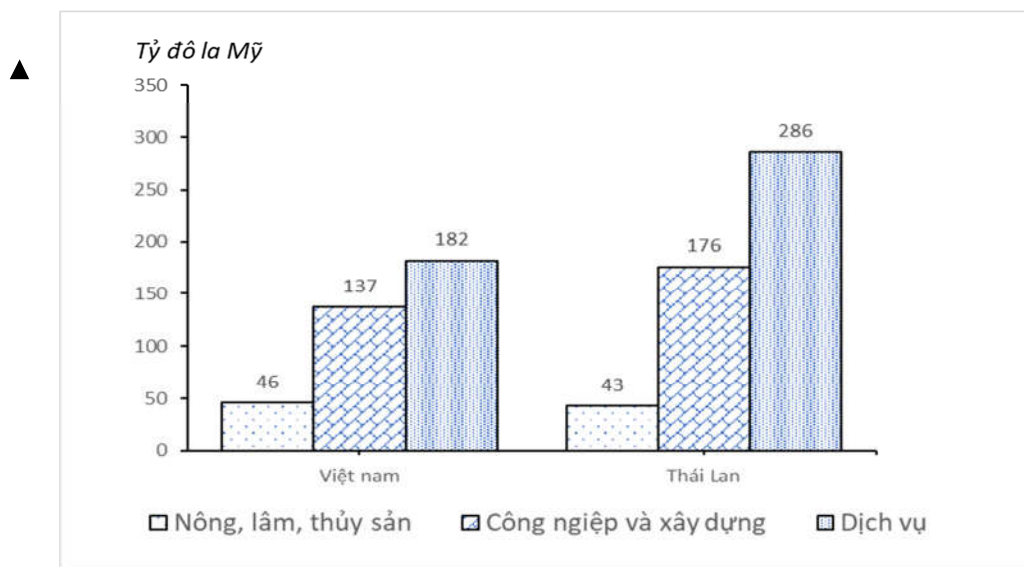
**d)** Các phương pháp canh tác thông minh trong nông nghiệp bao gồm sử dụng mô hình tưới phun sương tự động, máy bay nông nghiệp, robot trồng cây... giúp bảo vệ và cải thiện chất lượng đất, nước, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao. Đ

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Tây Nguyên là vùng có trữ năng thủy điện lớn thứ hai cả nước, chỉ đứng sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Trong những năm qua, việc xây dựng các nhà máy thủy điện trên các bậc thang thủy điện đã góp phần cung cấp điện năng cho nội vùng Tây Nguyên và các vùng lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, góp phần đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Ngoài ra, việc phát triển thủy điện còn có ý nghĩa trong phát triển du lịch và nuôi thủy sản ở Tây Nguyên.

- a) Trữ năng thủy điện của Tây Nguyên chiếm hơn 50% trữ năng thủy điện cả nước.
- b) Tây Nguyên hình thành được nhiều bậc thang thủy điện giúp tiết kiệm chi phí, chủ yếu do đặc điểm cấu trúc địa hình.
- c) Việc khai thác tiềm năng thủy điện góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Nguyên phát triển cơ cấu kinh tế đa dạng, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng, tạo tiền đề cho quá trình sát nhập nhiều tỉnh với vùng Đông Nam Bộ.
- d) Nhiều dòng sông ở Tây Nguyên là phụ lưu của hệ thống sông Mê Công, nên mục đích chủ yếu của việc xây dựng các hồ thủy điện ở Tây Nguyên là đảm bảo cung cấp nước vào mùa khô, phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản đồng thời giúp điều tiết chế độ nước cho hệ thống sông Cửu Long.

**Câu 4.** Cho biểu đồ:



**Biểu đồ tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của Việt Nam và Thái Lan năm 2022**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

- a) Giá trị ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam lớn hơn Thái Lan.
- b) Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam nhỏ hơn Thái Lan.
- c) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan gấp hai lần Việt Nam.
- d) Việt Nam và Thái Lan đều có ngành nông, lâm, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

## Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Nam Định và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nam Định	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,8	24,9	17,0
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,4	27,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

### Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội năm 2023

(Đơn vị: m/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số tháng thuộc mùa lũ của sông Hồng tại trạm Hà Nội .

**Câu 3:** Năm 2021, dân số nam của Việt Nam là 49 092 700 người còn dân số nữ của nước ta là 49 411 700 người. Tỷ lệ giới tính nam của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 668,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 332,2 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 5.** Năm 2021, khối lượng vận chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 69 639,0 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 152 277,2 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

### Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Tiêu chí	Năm	2010	2021
	Sản lượng hải sản khai thác		707,2
Trong đó: Cá biển		516,9	966,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển trong sản lượng hải sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT**